TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 685/2023/DS-PT
Ngày: 26/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nga

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Trung

Bà Lê Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/6/2023 và 26/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2022/DSPT ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 588/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2368/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 7863/2023/QĐPT-DS ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Đặng Thị L,
Địa chỉ: 5 T, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ông Trần Văn H
Địa chỉ: 58/19 T, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà Phạm Thị Ngọc T
Địa chỉ: D Hồ N, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư thuộc Đoàn luật sư T1.
(vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1

Địa chỉ: H ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Nguyễn Công B

Địa chỉ: 5 đường số D, phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Trần Bảo Q - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư T1.

(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Bá P

Địa chỉ: B ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Đặng Thị L, ông Trần Văn H và ông Trần Bá C là bạn bè. Ông C mất đột ngột vào tháng 8/2020. Khi ông C còn sống, ông C kinh doanh bất động sản nên bà L nhiều lần cho ông C vay tiền để kinh doanh. Việc vay mượn tiền không ký kết hợp đồng bằng giấy tờ, chủ yếu bằng lời nói và thực hiện bằng cách chuyển tiền qua ngân hàng hoặc giao nhận bằng tiền mặt. Trước khi ông C mất, bà L cho ông C vay 4.700.000.000 (bốn tỷ bảy trăm triệu) đồng vào ngày 31/5/2019, hai bên giao nhận tiền mặt, không ký nhận khi giao nhận tiền. Để ghi nhớ số nợ 4.700.000 đồng, cùng ngày 31/5/2019, bà L và ông C có ký kết hợp đồng góp vốn, trong hợp đồng góp vốn này không ghi nội dung góp vốn làm gì, mà chỉ ghi giá trị vốn góp 4.700.000 đồng.Trong 4.700.000 đồng này có 3.000.000 đồng là do bà L vay của Ngân hàng TMCP Đ1 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/1050 9603/HĐTD và hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/1050 9603/HĐTD/HĐBĐ (B1 – Chi nhánh C3) ngày 31/5/2019. Tiếp đó, trong hai ngày 19/06/2019 và 14/02/2020, bà L cho vay thêm hai lần, mỗi lần là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng bằng cách chuyển qua tài khoản của ông Trần Bá P tại ngân hàng A (ông P là cháu ông C và cũng là nhân viên trong công việc của ông C). Đến tháng 05/2020 ông C mượn của ông H 1.000.000.000 (một tỷ) đồng để trả cho bà, nên tổng số tiền ông C còn nợ bà Len t đến thời điểm ông C mất là 4.200.000.000 (bốn tỷ hai trăm triệu) đồng. Ông C chưa trả lãi cho số tiền đã vay.

Ngày 18/5/2020, ông Trần Văn H cho ông C vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay 2 tháng (ông C dùng tiền này trả cho bà L như nguyên đơn đã trình bày). Tính đến thời điểm ông C mất, ông C còn nợ ông H 1.000.000 đồng (một tỷ) đồng, chưa trả lãi.

Vì ông C mất đột ngột nên sau khi ông C mất, bà L và ông H gặp bà Nguyễn Thị Ngọc H1 (là vợ ông C) để hai bên đối chiếu lại số nợ. Mặc dù bà H1 không trực tiếp tham gia vào giao dịch vay tiền của ông C nhưng bà H1 cũng biết và nắm rõ việc vay mượn này.Thời điểm đó bà H1 cần một số tiền để trang trải sinh hoạt gia đình và đóng các khoản phí thực hiện thủ tục pháp lý nhà đất

liên quan đến di sản thừa kế của ông C, nên bà H1 vay thêm của ông H 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Do đó vào ngày 05/10/2020, bà H1 tự nguyện ký Giấy xác nhận, cam kết và trả nợ vay và vay tiền. Theo giấy này, bà H1 thừa nhận: (1) tất cả các khoản vay của ông C đối với bà L, ông H là có thật, và cam kết tự nguyện trả. (2) bà H1 thừa nhận ông C nợ bà L 4.200.000.000 (bốn tỷ hai trăm triệu) đồng, do bà L vay hộ ông C tại Ngân hàng TMCP Đ1 nên bà H1 đồng ý chịu trách nhiệm trả các khoản lãi suất, phí và phạt vi phạm phát sinh từ các hợp đồng này. (3) bà H1 nợ ông H 1.500.000 đồng. (4) Ngoài trách nhiệm trả 2 khoản vốn vay, bà H1 còn trả cho bà L tiền lãi cho khoản vay 4.200.000 đồng, 20%/năm, tính từ ngày 18/5/2020; bà H1 trả lãi cho ông H, 20%/năm, cho khoản vay 1.500.000 đồng tính từ ngày 18/5/2020. (5) nếu không trả được tiền thì sẽ chuyển nhượng tài sản riêng và tài sản chung với ông C để cấn trừ nợ.

Ông H và bà L đã gửi thông báo ngày 05/11/2020 đến bà H1 để yêu cầu bà H1 thanh toán nhưng đến nay bà không thực hiện việc trả nợ, do vậy ông H và bà L khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải trả cho bà Đặng Thị L toàn bộ số tiền vay gốc là 4.200.00.000 (bốn tỷ hai trăm triệu) đồng và lãi phát sinh là 3.927.840.000 đồng, tổng cộng: 8.127.840.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải trả cho ông Trần Văn H toàn bộ số tiền vay gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và lãi suất phát sinh là 693.050.000, Tổng cộng: 2.193.050.000 đồng

Tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Yêu cầu bà L chứng minh có việc vay mượn tiền giữa bà L với ông C, nếu có giấy tờ do ông C ký thì phía bị đơn mới đồng ý trả tiền. Bà L và ông C ký kết Hợp đồng góp vốn theo nguyên tắc lời ăn lỗ chịu, không phải vay mượn tiền. Số tiền góp vốn là 4.700.000 đồng.Trước khi ông C mất, ông C đã chia lợi nhuận bằng cách ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 1.215,4m^2 đất cho bà L (Giấy chứng nhận số BL 194877 số vào số CH 01446, thửa số 523, tờ bản đồ số 41, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh), nên trong Giấy xác nhận, cam kết và trả nợ vay và vay tiền ngày 05/10/2020, bà H1 có cam kết giao trả bản chính Giấy chứng nhận số BL 194877 cho bà L. Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà bà L chuyển vào tài khoản của ông Trần Bá P, đề nghị bà L chứng minh việc giao nhận tiền có liên quan đến ông C.

Về khoản nợ 1.000.000.000 đồng mà ông C vay của ông H, yêu cầu ông H chứng minh có việc giao nhận tiền giữa ông H với ông C. Đối với 500.000.000 đồng, bà H1 có xác nhận là nhận tiền từ ông H, nhưng ông H giao chưa đủ 500.000.000 đồng.

Yêu cầu đưa những người là hàng thừa kế thứ nhất của ông C vào tham gia tố với tư cách là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C, là bà tụng Võ Thị N– địa chỉ: 2 ấp T, xã T, huyện H, TP . (mẹ ông C) và 02 con ông C là Trần Ngọc H2 – sinh năm 2003, Trần Mỹ N1 - sinh năm 2010.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá P, tại bản tự khai ngày 04/01/2021, và biên bản lấy lời khai ngày 17/05/2022 trình bày:

Ông là cháu ruột của ông Trần Bá C. Ông được ông C nhận làm tài xế và phụ thêm các công việc giấy tờ. Trong quá trình giúp việc cho ông C, ông thường xuyên giao - nhận tiền thay cho ông C. Ngày 19/6/2019 và 14/02/2020, ông có 2 lần nhận chuyển khoản từ bà L, mỗi lần là 250.000.000 đồng và đều đưa lại cho ông C. Ông không liên quan gì đến việc vay mượn giữa ông C và bà L.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 588/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 như sau:

"Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị L, ông Trần Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải thanh toán cho bà Đặng Thị L số tiền nợ gốc 4.200.000.000 đồng và tiền lãi 3.927.840.000 đồng, Tổng cộng vốn và lãi là 8.127.840.000đồng (Tám tỷ một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật;

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải thanh toán cho ông Trần Văn H số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 693.0450.000 đồng, Tổng cộng vốn và lãi là 2.193.050.000đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2022,bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn: yêu cầu đưa các người thừa kế của ông Trần bá C1 vào tham gia tố tụng và hủy án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Giấy xác nhận, cam kết trả nợ vay và vay tiền" ngày 05/10/2020 có nội dung "nếu không trả được tiền thì sẽ chuyển nhượng tài sản riêng và tài sản chung với ông C1 để cấn trừ nợ", nhưng cấp sơ thẩm không đưa những người là thừa kế hàng thứ nhất của ông Võ Bá C2 là Võ Thị N, Trần

Ngọc H2, Trần Mỹ N1 tham gia tố tụng với tư cách là quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố Tụng Dân sự, nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng giữa hai bên thiết lập giao dịch vay tài sản, bị đơn cho rằng giữa hai bên ký kết hợp đồng góp vốn. Giữa bà H1 và bà L, giữa bà H1 và ông H không thiết lập quan hệ vay mượn tiền. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "vay tài sản", căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là chưa đúng với tình tiết sự việc. Quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là "thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

[2.2] Do ông Trần Bá C chết không có di chúc. Theo Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015 quy định Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại. Như vậy nghĩa vụ về tài sản của ông C đối với bà L, của ông C đối với ông H (nếu có) sẽ do những người hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Trần Bá C thực hiện theo thỏa thuận và trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Giấy xác nhận, cam kết trả nợ vay và vay tiền lập ngày 05/10/2020 chưa thể hiện ý chí của các thừa kế của ông Trần Bá C. Tại bút lục 136 trong hồ sơ vụ án là "đơn trình bày ý kiến" ngày 04/8/2022 của bà Võ Thị N, xác định "không thừa kế và kế thừa nghĩa vụ của ông C". Tuy nhiên văn bản này thể hiện bằng chữ đánh máy, không có chữ ký của bà N, chỉ có dấu lăn tay, không có người làm chứng hoặc chứng thực người lăn tay. Các tài liệu có trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện văn bản này do ai cung cấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đương sự đều xác định không cung cấp văn bản này cho Tòa án. Theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự về xác định chứng cứ, thì "đơn trình bày ý kiến" này chưa là chứng cứ trong vụ án. Do đó, cần thu thập ý kiến các thừa kế của ông Võ Bá C2 về nội dung này.

Nghĩa vụ về tài sản nếu có của ông C2 đối với bà L, của ông C2 đối với ông H sẽ do những người hưởng thừa kế theo pháp luật của ông C2 thực hiện trong phạm vi di sản do người chết để lại. Mặc khác, Giấy xác nhận, cam kết trả nợ vay và vay tiền" ngày 05/10/2020 có nội dung "nếu không trả được tiền thì sẽ chuyển nhượng tài sản riêng và tài sản chung với ông C2 để cấn trừ nợ". Nên mặc dù nguyên đơn xác định chỉ kiện đòi bà H1 trả tiền, không yêu cầu các thừa kế theo pháp luật khác của ông C2 có trách nhiệm trả tiền, thì việc giải quyết

tranh chấp về nghĩa vụ dân sự của ông C2 để lại phải có sự tham gia của những người là thừa kế theo pháp luật của ông Trần Bá C. Cấp sơ thẩm xác định "do bà H1 đã tự nguyện xác lập giao dịch ngày 05/10/2020 nêu trên nên không làm phát sinh việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị N, bà Trần Ngọc H2 và cháu Trần Mỹ N1, nên không cần đưa bà N, bà H2 và đại diện hợp pháp của cháu N1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan" là không đúng với tính chất của sự việc; Việc giải quyết vụ án không có bà Võ Thị N, bà Trần Ngọc H2 và cháu Trần Mỹ N1 là thiệt hại quyền và lợi ích của những người này. Sai sót này không thể khắc phục tại phiên tòa sơ thẩm.

[2.3] Do đó, để xác định trách nhiệm dân sự cụ thể của ông C, Hội đồng xét xử cần phải đánh giá chứng cứ toàn diện, bao gồm lời khai, chứng cứ các đương sự cung cấp và thu thập được. Cấp sơ thẩm nhận định do bà H1 đã thừa nhận và tự nguyện ký tên nên phải thực hiện, là chưa đánh giá toàn diện chứng cứ.

[2.4]Tòa án cấp sơ thẩm không thống nhất khi xác định tư cách tố tụng của đương sự và có nhiều sai sót khi tiến hành tố tụng.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2022 ghi nhận " vắng mặt" đối với những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Trần Ngọc H2 và Trần Mỹ N1. Thời điểm này Tòa án xác định bà Võ Thị N, Trần Ngọc H2 (sinh năm 2003), và Trần Mỹ N1 là người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên hồ sơ vụ án không thể hiện 2 lần tống đạt hợp lệ thông báo hòa giải cho bà Võ Thị N, Trần Ngọc H2 (sinh năm 2003), và Trần Mỹ N1, là không đúng khoản 1 Điều 207; điểm c, khoản 1 Điều 209 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QĐXXST-DS và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2022/QĐST-DS,Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cháu Trần Mỹ N1 sinh ngày 01/8/2010 (người chưa thành niên) là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ theo quy định tại Điều 21, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Khoản 4 Điều 27 Thông tư Liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31 tháng 8 năm 2016 của TAND Tối Cao, VKSND Tối cao thì Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với vụ án có đương sự là người chưa thành niên. Tuy nhiên, phiên tòa sơ thẩm vẫn mở khi không có đại diện Viện kiểm sát tham gia là không đúng quy định.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QDXXST-DS ngày 09/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2022/QĐST-DS ngày 24/8/2022 xác định: bà Võ Thị N, Trần Ngọc H2, Trần Mỹ N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và được triệu tập để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Biên bản phiên tòa thể hiện nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo Khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về bản án sơ thẩm, thì bản án sơ thẩm phải xác định quyền và nghĩa vụ của những người này. Bản án nhận định không cần đưa bà N, bà H2 và cháu N1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5]Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xuất trình 16 biên lai nộp tiền vào tài khoản của bà Đặng Thị L, thời gian từ

ngày 22/6/2019 đến 09/9/2020, tổng cộng 1.680.000.000 đồng, người nộp Trần Bá P, và cho rằng đấy là số tiền ông Trần Bá C đã chuyển cho bà L. Thời gian chuyển các khoản tiền này đều sau ngày 31/5/2019, là ngày thiết lập quan hệ vay tiền như lời trình bày của bà L. Bà L thừa nhận số tiền này nhưng cho rằng đây là nghĩa vụ ông C thực hiện trong một giao dịch khác, nhưng không có chứng cứ. Để xác định trách nhiệm của các thừa kế ông C, cần phải làm rõ số tiền này có liên quan đến khoản tiền đang tranh chấp hay không. Đây là tình tiết mới và nội dung này không thể thực hiện bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.6].Từ các nhận định trên, căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị hủy án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân hành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy để xét xử lại nên số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn,Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1, 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 588/2022/HC-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn. Chuyển hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy để xét xử lại nên số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn,Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0014756 ngày 29/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận huyện Hóc Môn;
- Cục thi hành án dân sự TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Nga